

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 21-01-2019

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Trương Hồng Căn

Ông Ngô Văn Thắng

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân
tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
24/2018/HNGĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51 /2018/HNGĐ-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án
nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2018/QĐ-PT ngày
13/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐPT ngày 02/01/2019, giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Ngọc P**; sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 8, khu 3, phường
HH, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim V**; sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, khu 3,
phường HH, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Thôn PL, xã ĐV, huyện QV,
tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Nguyễn Thị T**; Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐV, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh. Có
mặt.

- Bà **Mai Thị N**: Địa chỉ: Tổ 1, khu 1B, phường HH, thành phố Hạ Long, tỉnh
Quảng Ninh. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn X**, bà **Phạm Thị N1**; Địa chỉ: Số nhà 75, tổ 1, khu 1, phường
CT, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị H2**; Địa chỉ: Số nhà 143, tổ 1, khu 1B,
phường HH, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Văn M**; Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐV, huyện QV, Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị M**; Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐV, huyện QV, Bắc Ninh. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Bà Vũ Thị Minh T1 - sinh: 1947; Nơi cư trú: Khu GD, thị trấn TN, huyện KX, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn anh Mai Ngọc P trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Kim V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cao bằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào tháng 5 năm 1997. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, chị V thường xuyên bỏ nhà đi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Anh chị đã nhiều lần cãi vã nhau và đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai đã từ lâu. Chị V cũng đã có lần viết đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhưng được gia đình khuyên giải nên lại rút đơn về. Đến nay anh P thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị V.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Mai Thị Ngọc H - sinh: 18/10/1997, cháu đã thành niên và phát triển bình thường, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng khi chị V có yêu cầu giải quyết về tài sản thì anh có quan điểm: Anh chị có tài sản chung là 03 gian nhà cấp 4 và anh đề nghị được sở hữu 3 gian nhà này và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản cho chị V theo giá trị đã định giá. Còn diện tích đất 174,8m² là tài sản riêng của anh mua chung với bà Mai Thị N trước khi kết hôn. Anh P thừa nhận năm 2008, anh có vay của chị Nguyễn Thị T (là em gái chị V) số tiền là 40.000.000 đồng, anh đã gửi trả chị T qua Ngân hàng số tiền 39.000.000 đồng, còn nợ 1.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng anh không có khoản nợ nào khác.

2/ Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim V có quan điểm:

- Về tình cảm: Chị và anh Mai Ngọc P chung sống với nhau từ ngày 16/12/1996, đến ngày 27/5/1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường CT, đăng ký kết hôn là tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chung thủy, không quan tâm đến chị. Cũng do đặc thù công việc nên từ năm 2014 chị không thường xuyên có mặt ở nhà, thường đi làm xa, thỉnh thoảng về thăm con và về nhà ngoại. Nay anh P yêu cầu giải quyết ly hôn do không còn tình cảm với chị, quan điểm của chị không đồng ý ly hôn vì giữa chị và anh P chưa thỏa thuận được phân tài sản chung và vì con chung.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Mai Thị Ngọc H - sinh: 18/10/1997, con chung đã thành niên và phát triển bình thường, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị có tài sản chung là 03 gian nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất khoảng 175m² tại tổ 8, khu 3, phường HH, thành phố Hạ Long. Về nguồn gốc đất do anh chị mua của bà T1 với giá 3,5 triệu đồng khi anh chị còn tìm hiểu nhau chưa đăng ký kết hôn, khi mua có làm giấy tờ mua bán. Số tiền mua đất anh chị vay của chú ruột chị là ông Nguyễn Văn X số tiền là 4.000.000 đồng. Sau khi mua đất, anh chị xây dựng được 3 gian nhà và bếp. Vợ chồng chị có các khoản vay nợ chung như sau: Vay của vợ chồng em gái chị là Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn M số tiền 15.000.000 đồng; Vay của bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị M số tiền 21.500.000 đồng; Vay của chú ruột chị là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 30.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay trên đều không có giấy vay nợ. Chị đề nghị chia đôi tài sản chung gồm nhà và đất nêu trên nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị V lại thay đổi quan điểm không yêu cầu giải quyết về tài sản.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

3.1. Bà Mai Thị N trình bày: Do bà và bà T1 cùng là cán bộ của Sở giáo dục và bà T1 có nhu cầu bán đất để về quê nên ngày 21/6/1996, bà và anh Mai Ngọc P đã cùng nhau mua chung mảnh đất của bà T1 tại tổ 8, khu 3, phường HH thành phố Hạ Long với giá là 3,5 triệu đồng. Khi đó bà có 1.500.000 đồng, anh P có 2.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ mua bán có xác nhận của Sở giáo dục. Đến tháng 10 năm 1996, anh P có đề nghị với bà cho phép anh xây kè để giữ đất và nhà cấp 4 để ở, bà N đồng ý. Hàng năm bà đều đưa tiền cho anh P để nộp thuế đất cho Nhà nước. Nay vợ chồng anh Mai Ngọc P ly hôn, quan điểm của bà mảnh đất là tài sản riêng của bà và anh P, bà không đồng ý chia mảnh đất đó cho chị V. Anh P và chị V chỉ được chia tài sản trên đất là nhà do anh chị tự xây.

3.2. Chị Nguyễn Thị T có lời khai: Chị là em gái của chị V. Ngày 2/9/2008, vợ chồng anh P và chị V có vay của chị số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 2 phẩy theo thỏa thuận là 400.000 đồng/tháng và 5 chỉ vàng với lãi suất thỏa thuận là 250.000 đồng/tháng, tổng số lãi của 2 khoản vay là 650.000 đồng/tháng. Khi vay không viết giấy vay nợ, vay để sửa chữa nhà cửa. Quá trình vay anh chị đã trả lãi đủ, đến nay toàn bộ số lãi đã trả hết, thời điểm cuối cùng trả lãi là ngày 05/5/2017 do anh P trả 10.000.000 đồng. Chỉ còn lại tiền gốc là 20.000.000 đồng và 5 chỉ vàng (chị quy ra tiền mặt là $3.440.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 5 = 17.200.000\text{đ}$) anh P và chị V chưa trả. Nay chị đề nghị anh P và chị V phải trả toàn bộ nợ gốc là 37.200.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

3.3. Ông Nguyễn Văn T2 (bà Nguyễn Thị M) trình bày: Ông bà là bố mẹ của chị V, ông bà có cho anh P và chị V vay tiền nhiều lần, tổng số tiền cho vay là 21.500.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ vay tiền. Nay ông bà yêu cầu anh P và chị V phải trả tổng số tiền vay là 21.500.000 đồng, ông bà không yêu cầu lãi suất.

3.4. Bà Nguyễn Thị H2 (ông Nguyễn Văn K) trình bày: Ông K là chú ruột của chị V. Ngày 27/5/2007, ông K có đưa cho chị V vay 30.000.000 đồng, khi đưa tiền cho chị V thì không có mặt anh P ở đây và cũng không ghi giấy nợ, nên không có

giấy tờ gì để cung cấp đến Tòa án. Nay anh P và chị V ly hôn, ông bà yêu cầu trả đủ số tiền 30.000.000 đồng gốc, ông bà không yêu cầu lãi suất.

3.5. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M trình bày: Chị L là em gái của chị V. Ngày 25/12/2010, anh chị có cho vợ chồng anh P và chị V vay số tiền 15.000.000 đồng, chị V là người trực tiếp hỏi và nhận tiền và cũng không ghi giấy nợ, nên không có giấy tờ gì để cung cấp đến Tòa án. Nay anh P và chị V ly hôn, anh chị yêu cầu trả đủ số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc, anh chị không yêu cầu lãi suất.

3.6. Ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị N1 trình bày: Ông X là chú ruột của chị V. Năm 1996, anh P và chị V có đến nhà ông bà hỏi vay tiền để trả tiền mua đất số tiền là 4.000.000 đồng, ông bà đồng ý cho vay và không yêu cầu viết giấy tờ vay mượn. Ông X đưa tiền cho chị V cầm. Số tiền cho vay 2 năm sau đã trả hết, nay ông bà không yêu cầu khoản nợ nào nữa.

4/ Người làm chứng là bà Vũ Thị Minh T1 có lời khai:

Bà có một mảnh đất tại tổ 8, khu 3, phường HH thành phố Hạ Long. Mảnh đất này bà chỉ nhượng lại duy nhất một lần cho bà Mai Thị N và bà cũng chỉ viết một tờ giấy nhượng lại mảnh đất cho chị Mai Thị N, giấy này bà đã giao cho bà N bản gốc. Ngoài việc chuyển nhượng cho bà N, bà cam kết không chuyển nhượng cho ai khác và cũng không viết giấy mua bán cho ai. Tiền chuyển nhượng đất là 3.500.00 đồng do bà N giao trả cho bà.

Với nội dung trên TAND thành phố Hạ Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 1, điểm d, khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm a, b, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Mai Ngọc P. Anh Mai Ngọc P được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim V.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Mai Thị Ngọc H - sinh: 18/10/1997. Con chung đã đến tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, nên không giải quyết.

- Về tài sản: Giao cho anh Mai Ngọc P sở hữu 03 gian nhà cấp 4 trên thửa đất số 21 tờ BĐDC số 16 tại tổ 8, khu 3, phường HH, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (thửa đất số 21 tờ BĐDC số 16 theo giấy mua bán đất mang tên bà Mai Thị N).

Anh Mai Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản của 03 gian nhà cấp 4 cho chị Nguyễn Thị Kim V tổng số tiền là 18.417.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án dân sự.

Ngày 31/7/2018 chị Nguyễn Thị Kim V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần tuyên xử về quan hệ hôn nhân, khôi phục lại quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị; Khởi tố bà Tạ Thị M về hành vi xâm phạm chế độ một vợ một chồng; Hủy phần chia tài sản chung của vợ chồng trong bản án.

Ngày 30/7/2018 chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo, yêu cầu anh P phải trả cho chị 20.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 9999 và lãi xuất thỏa thuận mà anh P chưa trả đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những nội dung đã trình bày. Ngoài ra nguyên đơn còn có quan điểm về phần tài sản chung của vợ chồng, mặc dù trong đơn khởi kiện anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng khi chị V có yêu cầu anh cũng đã trình bày nguyện vọng muốn giải quyết cả phần tài sản trong vụ án để dứt điểm tất cả các vấn đề đối với chị V.

Chị Nguyễn Thị Kim V có quan điểm: Chị không đồng ý li hôn vì còn tình cảm với anh P và chị đề nghị hủy phần tài sản vì cấp sơ thẩm xác định thừa đất không phải là tài sản chung là không đúng.

Chị Nguyễn Thị T có quan điểm đề nghị Tòa án buộc anh P phải trả cho chị toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến nay là khoảng 50 triệu đồng.

Bà Mai Thị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của chị V là không có căn cứ để chấp nhận. Kháng cáo của chị T không xem xét trong vụ án này, dành quyền khởi kiện cho chị T trong vụ án khác nếu có yêu cầu. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Thủ tục tố tụng đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện cơ bản đúng theo qui định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim V có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị N1 có yêu cầu độc lập. Thẩm phán đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí, các đương sự không nộp. Theo qui định thì Tòa án sẽ không giải quyết các yêu cầu này và dành quyền khởi kiện cho đương sự trong vụ án khác nhưng Thẩm phán vẫn giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bị đơn, nhận định về các khoản nợ của những người liên quan và khẳng định anh P, chị V còn nợ chị T số tiền 1.000.000 đồng nhưng phần quyết định của bản án lại không đề cập gì đến số nợ này dẫn đến chị T làm đơn kháng cáo.

Hội đồng xét xử thấy, Thẩm phán đã giải quyết vụ án không đúng qui định tại khoản 1 Điều 146, điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 195, Điều 202 BLTTDS. Như vậy, có vi phạm thủ tục tố tụng trong vụ án này nhưng việc vi phạm không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của anh P, chị V mà phù hợp với nguyện vọng của cả hai anh chị và việc giải quyết vụ án được triệt để nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm như nội dung kháng cáo của chị V.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim V

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Mai Ngọc P và chị Nguyễn Thị Kim V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau và có thời gian dài không chung sống cùng nhau. Như vậy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của anh P được ly hôn chị V là có căn cứ để chấp nhận.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị V cho rằng tài sản chung của anh chị là diện tích đất khoảng 175m² tại tổ 8, khu 3, phường HH, thành phố Hạ Long, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 gian nhà, bếp cấp 4 nằm trên đất. Tuy nhiên chị V không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh được quyền sử dụng của anh chị đối với thửa đất này. Trong khi đó anh P khai đây là mảnh đất mà anh mua chung với bà Mai Thị N và mua trước thời kỳ hôn nhân với chị V, anh cung cấp cho Tòa án giấy chuyển nhượng đất thể hiện ngày 21/6/1996 bà T1 có chuyển nhượng cho bà Mai Thị N thửa đất này, giấy chuyển nhượng này còn có Phòng tổ chức cán bộ - Sở giáo dục và đào tạo xác nhận làm chứng. Lời khai của anh P phù hợp với lời khai của bà Vũ Minh T1 thừa nhận bán mảnh đất trên cho bà Mai Thị N với giá là 3.500.00 đồng. Đây là mảnh đất mà bà N và anh P mua chung và mua trước thời kỳ hôn nhân với chị V nên xác định thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng anh P, chị V. Đối với 3 gian nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất (sau khi định giá xác định giá trị là 36.835.496 đồng), đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là tài sản chung của anh P chị V. Xét công sức đóng góp của anh chị thấy anh chị có công sức ngang nhau trong việc tạo dựng khối tài sản chung này nên chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là phù hợp. Và do đất là tài sản chung của anh P và bà N, anh P hiện đang sinh sống trên thửa đất này nên giao cả 03 gian nhà, bếp cho anh P sở hữu và anh P có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị V.

Xét các khoản vay chung theo như chị V khai vợ chồng chị đã vay của ông Nguyễn Văn T2 bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị L anh Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn X bà Phạm Thị N1 thấy, Tòa án đã yêu cầu những người liên quan nộp tạm ứng án phí để giải quyết yêu cầu độc lập của họ nhưng họ đã không nộp. Nên không có căn cứ để xem xét, dành cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này quyền khởi kiện trong một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim V yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh khởi tố bà Tạ Thị M về hành vi xâm phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng dẫn đến vợ chồng chị phải ly hôn theo Điều 182 Bộ luật hình sự 2015 thấy chị V không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh P có quan hệ ngoại tình với chị M, anh P không thừa nhận có quan hệ ngoại tình với chị M do đó Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xem xét yêu cầu này.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đưa ra yêu cầu độc lập về khoản nợ chung của anh P chị V, tuy nhiên chị T đã không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí nên không giải quyết yêu cầu của chị T trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho chị T trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu. Vì vậy không xem xét kháng cáo của chị T.

[4] Về án phí:

- Anh Mai Ngọc P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 18.417.700 đồng = 920.000 đồng. Tổng cộng là 1.220.000 đồng.

- Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim V không được chấp nhận nên chị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 18.417.700 đồng = 920.000 đồng. Tổng cộng là 1.220.000 đồng.

- Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị T không được xem xét nên trả lại cho chị T tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 2 khoản 4 Điều 147, Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Khoản 1 khoản 2 khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Ngọc P được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim V.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Mai Ngọc P sở hữu 03 gian nhà cấp 4 trên thửa đất số 21 tờ BĐDC số 16 tại tổ 8, khu 3, phường HH, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (thửa đất số 21 tờ BĐDC số 16 theo giấy mua bán đất mang tên bà Mai Thị N). Anh Mai Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản của 03 gian nhà cấp 4 cho chị Nguyễn Thị Kim V tổng số tiền là 18.417.700 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười bảy nghìn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Kim V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Mai Ngọc P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì anh Mai Ngọc P, chị Nguyễn Thị Kim V có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí:

+ Anh Mai Ngọc P phải chịu 1.220.000 đồng án phí nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng anh P đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai số 0000384 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Anh P còn phải nộp 920.000 đồng (Chín trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Kim V phải chịu 1.220.000 đồng án phí, được trừ đi số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0000043 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Chị V còn phải nộp 920.000 đồng (Chín trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí đã nộp tại biên lai số 0000044 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án thành phố Hạ Long;
- Chi cục Thi hành án thành phố Hạ Long;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang